

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai bổ sung và điều chỉnh giảm chi dự toán NSNN năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến về việc bổ sung dự toán năm 2025 kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách cho các đơn vị dự toán thuộc UBND xã Hải Tiến.

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến về việc bổ sung và điều chỉnh giảm chi dự toán NSNN năm 2025. Kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa mẫu giáo, chính sách GD đối với học sinh khuyết tật NH 2024-2025 cho các trường MN, Tiểu học, THCS thuộc xã Hải Tiến;

Xét đề nghị của bộ phận Văn phòng và Tài chính của trường Mầm non Hải Tân;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung và điều chỉnh chi dự toán NSNN năm 2025 của trường Mầm non Hải Tân (biểu số 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận văn phòng, tổ Tài chính và các tổ chuyên môn của trường Mầm non Hải Tân tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG



Chu Thị Dung

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61 ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính
 Đơn vị: Trường mầm non Hải Tân
 Chương: 822

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ- TMNHT ngày 17/11/2025 của Trường mầm non Hải Tân)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Thu chi sự nghiệp khác được để lại	
	Thu học phí	
	Trong đó 40% trích vào quỹ tiền lương	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	225.594.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	225.594.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
II	Nguồn vốn viện trợ	

Hải Tiên, ngày 17 tháng 11 năm 2025

KẾ TOÁN



Lê Thị Xuân

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
 CHU THỊ DUNG

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HẢI TIẾN**

Số: 1322/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Tiến, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung dự toán năm 2025 kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách cho các đơn vị dự toán thuộc UBND xã Hải Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định 339/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao dự toán cho ngân sách xã, phường trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND xã Hải Tiến về việc quyết định phân bổ dự toán ngân sách địa phương xã Hải Tiến năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã Hải Tiến về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Hải Tiến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho UBND các xã, phường để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách;

Căn cứ Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho UBND các xã, phường để thực hiện chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa;

Căn cứ Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2025 cho cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ;

Căn cứ Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho UBND các xã, phường để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách;

Căn cứ Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 11/11/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao bổ sung dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị để tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Xét Tờ trình số 305/TTr- KT ngày 11/11/2025 của Phòng kinh tế xã Hải Tiến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán năm 2025 cho các đơn vị dự toán, tổng số tiền: 8.293.683.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ hai trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn).

cụ thể như sau:

1. Văn phòng Đảng uỷ: 587.000.000 đồng

Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp trên hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ (KP hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và XD mô hình chính quyền địa phương 2 cấp): 400.000.000 đồng. (Bốn trăm triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP đảm bảo phụ cấp và các khoản đóng góp tăng thêm cho cán bộ không chuyên trách cấp xã và thôn xóm): 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn).

2. Ủy ban MTTQ xã: 334.000.000 đồng

Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp trên hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP đảm bảo phụ cấp và các khoản đóng góp tăng thêm cho cán bộ không chuyên trách cấp xã và thôn xóm): 134.000.000 đồng. (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2025- 2026: 200.000.000 đồng. (Hai trăm triệu đồng chẵn).

3. Văn phòng HĐND - UBND xã: 799.000.000 đồng

Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp trên hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ (KP hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và XD mô hình chính quyền địa phương 2 cấp): 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP đảm bảo chế độ phụ cấp đối với DQTV): 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP thực hiện quốc phòng, công tác tuyển quân): 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn/).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP đảm bảo phụ cấp và các khoản đóng góp tăng thêm cho cán bộ không chuyên trách cấp xã và thôn xóm): 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn).

4. Phòng kinh tế xã : 2.275.683.000 đồng

Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp trên hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ (KP hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và XD mô hình chính quyền địa phương 2 cấp): 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP liên quan đến hoạt động xác định giá đất và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất): 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP làm giàu, làm sạch CSDL dân cư): 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa: 1.065.683.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi năm triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn).

5. Phòng Văn hoá - xã hội : 1.287.000.000 đồng

Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp trên hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ (KP hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và XD mô hình chính quyền địa phương 2 cấp): 400.000.000 đồng. (Bốn trăm triệu đồng chẵn).

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách (KP hỗ trợ mai táng phí theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg và Quyết định 62/2011/QĐ-TTg, Quyết định 40/2011/QĐ-TTg): 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn).

- Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách năm 2025 (KP thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí): 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng chẵn).

6. Trung tâm phục vụ hành chính công: 136.000.000 đồng.

Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp trên hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ (KP hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và XD mô hình chính quyền địa phương 2 cấp): 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn).

- Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách năm 2025 (KP thực hiện chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại bộ phận một cửa theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND): 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng chẵn).

7, Kinh phí các cơ sở giáo dục: Trường Mầm Non, trường Tiểu học, trường THCS trên địa bàn xã (KP đảm bảo tiền tăng lương cho giáo viên, KP chuyển xếp lương giáo viên, KP thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí): 2.875.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm bảy mươi năm triệu đồng chẵn).

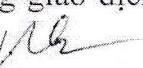
(Có bản phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các phòng ban, các đơn vị dự toán có trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán khoản kinh phí nêu tại Điều 1, Quyết định này đúng mục đích và chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

2. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với KBNN khu vực V - Phòng giao dịch số 7 tổ chức thực hiện kinh phí tại Điều 1, Quyết định này theo quy định hiện hành.

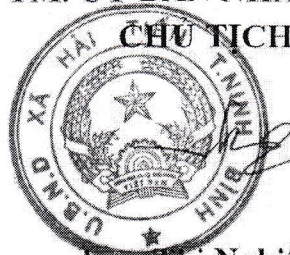
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, KBNN khu vực V - Phòng giao dịch số 7 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

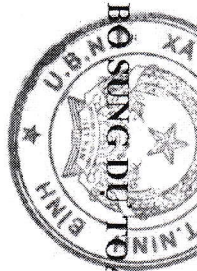
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lưu Thị Nghiêm

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ HẢI TIỀN



Phụ lục

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025 CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS KINH PHÍ ĐÀM BẢO TIỀN LƯƠNG, TĂNG LƯƠNG, CHUYÊN XẾP LƯƠNG CHO GIÁO VIÊN

(Kèm theo Quyết định 1322/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến)

Đơn vị: đồng

TT	Đơn vị	Mã đơn vị QHNS	Chương - Khoản	Tổng cộng (Mã nguồn 13 - Kinh phí thực hiện tự chủ)	Kinh phí tăng lương cấp bổ sung	Kinh phí chuyển xếp lương	Ghi chú
A	B	C	D	1=2+3	2	3	4
	Tổng cộng			1.181.000.000	811.000.000	370.000.000	
1	Trường Mầm non Hải Lý	1129449	822-071	93.874.000	70.820.000	23.054.000	
2	Trường Mầm non Hải Sơn	1129440	822-071	90.313.000	90.313.000	0	
3	Trường Mầm non Cồn	1129461	822-071	117.452.000	74.989.000	42.463.000	
4	Trường Mầm non Hải Tân	1129439	822-071	97.089.000	57.290.000	39.799.000	
5	Trường Mầm non Hải Chính	1129458	822-071	1.523.000	1.229.000	294.000	
6	Trường Tiểu học Cồn	1102673	822-072	124.470.000	124.470.000	0	
7	Trường Tiểu học Hải Sơn	1108000	822-072	60.022.000	52.460.000	7.562.000	
8	Trường Tiểu học Hải Lý	1102691	822-072	59.776.000	40.017.000	19.759.000	
9	Trường Tiểu học Hải Tân	1108001	822-072	69.692.000	46.376.000	23.316.000	
10	Trường Tiểu học Hải Chính	1107988	822-072	91.645.000	45.372.000	46.273.000	
11	Trường THCS Hải Lý	1001436	822-073	107.877.000	62.271.000	45.606.000	
12	Trường THCS Hải Sơn	1010125	822-073	58.445.000	14.868.000	43.577.000	
13	Trường THCS Hải Tân	1080195	822-073	80.943.000	73.665.000	7.278.000	
14	Trường THCS Cồn	1001415	822-073	87.485.000	49.470.000	38.015.000	
15	Trường THCS Hải Chính	1004622	822-073	40.394.000	7.390.000	33.004.000	



PHỤ LỤC BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 238/2025/NĐ-CP ĐỢT I,
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP NĂM HỌC 2025-2026 CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS XÃ HẢI TIỀN
(Kèm theo Quyết định số: 1322/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND Xã Hải Tiến)

STT	Trường	Mã QJNS	Chương - Khoản	Kinh phí miễn giảm học phí kỳ I						Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ chính sách kỳ I năm học 2025-2026	Kinh phí cấp bổ sung năm 2025 (Miễn nguồn 12 - KP không thực hiện tự chủ)
				Số học sinh	Học phí	Số tháng	Nhu cầu kinh phí	Kinh phí cấp Đợt 1	Kinh phí còn lại chưa cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8-9	11	12=8+11	13=9+11
TỔNG CỘNG							3.017.520.000	1.669.400.000	1.348.120.000	24.600.000	3.042.120.000	1.694.000.000
1	Trường Mầm non Cồn	1129461	822-071	419	160.000	4	268.160.000	162.000.000	106.160.000		268.160.000	162.000.000
2	Trường Mầm non Hải Lý	1129449	822-071	665	160.000	4	425.600.000	261.560.000	164.040.000		425.600.000	261.560.000
3	Trường Mầm non Hải Chính	1129458	822-071	368	160.000	4	235.520.000	162.000.000	73.520.000		235.520.000	162.000.000
4	Trường Mầm non Hải Tân	1129439	822-071	393	160.000	4	251.520.000	152.400.000	99.120.000	600.000	252.120.000	153.000.000
5	Trường Mầm non Hải Sơn	1129440	822-071	303	160.000	4	193.920.000	144.800.000	49.120.000	600.000	194.520.000	145.400.000
6	Trường Tiểu học Cồn	1102673	822-072	795		4			-	3.000.000	3.000.000	3.000.000
7	Trường Tiểu học Hải Lý	1102691	822-072	1.141		4			-	1.800.000	1.800.000	1.800.000
8	Trường Tiểu học Hải Chính	1107988	822-072	574		4			-	1.200.000	1.200.000	1.200.000
9	Trường Tiểu học Hải Sơn	1108000	822-072	522		4			-	3.600.000	3.600.000	3.600.000
10	Trường THCS Cồn	1001415	822-073	663	150.000	4	397.800.000	187.220.000	210.080.000	2.400.000	400.200.000	190.120.000
11	Trường THCS Hải Lý	1001436	822-073	845	150.000	4	507.000.000	236.600.000	270.400.000	3.600.000	510.600.000	240.200.000
12	Trường THCS Hải Chính	1004622	822-073	365	150.000	4	219.000.000	116.200.000	102.800.000	2.400.000	221.400.000	118.600.000
13	Trường THCS Hải Tân	1080195	822-073	416	150.000	4	249.600.000	120.400.000	129.200.000	600.000	250.200.000	121.000.000
14	Trường THCS Hải Sơn	1010125	822-073	449	150.000	4	269.400.000	125.720.000	143.680.000	4.800.000	274.200.000	130.520.000

Duyệt, đóng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HẢI TIẾN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1333/QĐ-UBND

Hải Tiến, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung và điều chỉnh giảm chi dự toán NSNN năm 2025

Kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa trẻ mẫu giáo, chính sách giáo dục đối với học sinh khuyết tật năm học 2024 -2025 cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc xã Hải Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI TIẾN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 ngày 12/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Bình năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND tỉnh Nam Định về việc bổ sung kinh phí cho ngân sách các huyện, thành phố để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và tiền ăn trưa đối với trẻ em từ 3-5 tuổi năm học 2024-2025; số 1528/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 về việc bổ sung kinh phí năm 2025 cho ngân sách các huyện, thành phố để thực hiện chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Quyết định số 5045/QĐ-UBND ngày 02/06/2025 của UBND huyện Hải Hậu, Quyết định số 300/QĐ-PGDĐT ngày 03/6/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu về việc bổ sung dự toán 2025 kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, chính sách giáo dục đối với người khuyết tật năm học 2024-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND xã Hải Tiến về việc quyết định phân bổ dự toán ngân sách địa phương xã Hải Tiến năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã Hải Tiến về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Hải Tiến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND xã Hải Tiến về việc bổ sung kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ học tập, tiền ăn trưa trẻ mẫu giáo, cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc UBND xã Hải Tiến;

Xét Tờ trình số 315/TTr- KT ngày 14/11/2025 của Phòng kinh tế xã Hải Tiến.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.

1, Bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, chính sách giáo dục đối với người khuyết tật năm học 2024-2025 cho trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn xã Hải Tiến, số tiền: 674.516.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm mười sáu nghìn đồng chẵn).

2, Điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, chính sách giáo dục đối với người khuyết tật năm học 2024-2025 cho trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn xã Hải Tiến, số tiền: 5.730.000 đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

(Có phụ lục chi tiết theo biểu đính kèm).

Nguồn kinh phí: Nguồn bổ sung có mục tiêu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị dự toán có trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán khoản kinh phí nêu tại Điều 1, Quyết định này đúng mục đích và chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

2. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với KBNN khu vực V - Phòng giao dịch số 7 tổ chức thực hiện kinh phí tại Điều 1, Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, KBNN khu vực V

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

Lưu Thị Nghiêm



PHỤ LỤC CẤP BỔ SUNG VÀ ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ,
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, TIỀN AN TRÚA CHO TRẺ EM TỪ 3-5 TUỔI,
CÔNG SÁCH VỀ GIÁO DỤC VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT NÂM HỌC 2024-2025 CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS XÃ HẢI TIỀN
(Kèm theo Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã Hải Tiến)

STT	Trường	Mã QHNS	Chương - Khuôn	Như sau kinh phí năm học 2024-2025										Kinh phí bổ sung theo quyết định số 854/QĐ- UBND ngày 29/8/2025 của UBND xã Hải Tiền	Kinh phí điều chỉnh giảm số nguồn 12 - KP không thực hiện tự chủ)	Kinh phí cấp bổ sung năm 2025 (từ A nguồn 12 - KP không thực hiện tự chủ)
				Kinh phí miễn giảm học phí		Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập		Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em từ 3-5 tuổi		Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật		Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ công tác năm học 2024-2025				
				Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2					
	TỔNG CỘNG			281.680.000	345.350.000	40.200.000	28.500.000	17.280.000	11.200.000	14.976.000	9.360.000	748.546.000	79.760.000	(5.730.000)	674.516.000	
1	Mầm non Cồn	1129461	822-071	43.020.000	53.550.000	1.200.000	-	3.200.000	3.200.000			104.170.000	58.130.000		46.040.000	
2	Mầm non Hải Chính	1129458	822-071	48.960.000	60.750.000	-	-	3.200.000	800.000			113.710.000			113.710.000	
3	Mầm non Hải Lý	1129449	822-071	78.120.000	98.550.000	-	-	-	1.600.000			178.270.000			178.270.000	
4	Mầm non Hải Sơn	1129440	822-071	38.880.000	47.925.000	1.200.000	750.000	8.320.000	4.800.000			101.875.000			101.875.000	
5	Mầm non Hải Tân	1129439	822-071	55.620.000	69.525.000	-	-	2.560.000	800.000			128.505.000			128.505.000	
6	Tiểu học Cồn	1102673	822-072			4.200.000	2.250.000			0	-	6.450.000			6.450.000	
7	Tiểu học Hải Chính	1107988	822-072			600.000	1.500.000			0	-	2.100.000			2.100.000	
8	Tiểu học Hải Lý	1102691	822-072			2.400.000	3.000.000			0	-	5.400.000			5.400.000	
9	Tiểu học Hải Sơn	1108000	822-072			11.400.000	4.500.000			0	-	15.900.000	21.630.000	(5.730.000)		
10	Tiểu học Hải Tân	1108001	822-072			600.000	750.000			0	-	1.350.000			1.350.000	
11	THCS Cồn	1001415	822-073	4.060.000	2.975.000	4.200.000	2.250.000					13.485.000			13.485.000	
12	THCS Hải Chính	1004622	822-073	2.380.000	2.800.000	3.000.000	3.750.000					11.930.000			11.930.000	
13	THCS Hải Lý	1001436	822-073	1.680.000	2.450.000	2.400.000	3.000.000					9.530.000			9.530.000	
14	THCS Hải Sơn	1010125	822-073	7.700.000	5.075.000	9.000.000	6.750.000			14.976.000	9.360.000	52.861.000			52.861.000	
15	THCS Hải Tân	1080195	822-073	1.260.000	1.750.000	-	-					3.010.000			3.010.000	

Được đính

Hải Tiến, ngày 17 tháng 11 năm 2025

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai bổ sung và điều chỉnh giảm chi dự toán NSNN năm 2025
của Trường Mầm non Hải Tân**

I. Thời gian:

Vào hồi 17h00 phút ngày 17 tháng 11 năm 2025

II. Địa điểm:

Tại văn phòng Trường Mầm non Hải Tân

III. Thành phần dự họp:

Chủ trì cuộc họp: Đ/c Chu Thị Dung - Hiệu trưởng.

Thư ký: Đ/c Lê Thị Huế

Cùng toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên hội đồng sư phạm nhà trường

+ Tổng số: 32 người

+ Có mặt: 32 người

IV. Nội dung cuộc họp:

1. Bà Chu Thị Dung – Hiệu trưởng nhà trường triển khai:

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến về việc bổ sung dự toán năm 2025 kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách cho các đơn vị dự toán thuộc UBND xã Hải Tiến.

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến về việc bổ sung và điều chỉnh giảm chi dự toán NSNN năm 2025. Kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa mẫu giáo, chính sách GD đối với học sinh khuyết tật NH 2024-2025 cho các trường MN, Tiểu học, THCS thuộc xã Hải Tiến.

2. Thông báo nội dung công khai.

- Công khai bổ sung và điều chỉnh giảm chi dự toán NSNN năm 2025 gồm có :

+ Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến về việc bổ sung dự toán năm 2025 kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách cho các đơn vị dự toán thuộc UBND xã Hải Tiến.

+ Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Hải Tiến về việc bổ sung và điều chỉnh giảm chi dự toán NSNN năm 2025. Kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa mẫu giáo, chính sách GD đối với học sinh khuyết tật NH 2024-2025 cho các trường MN, Tiểu học, THCS thuộc xã Hải Tiến.

+ Các biểu mẫu liên quan.

3. Hình thức công khai.

- Thông báo trước hội đồng sự phạm.
- Niêm yết tại văn phòng, trên website nhà trường.

4. Địa điểm, thời gian niêm yết.

- Niêm yết tại văn phòng, trên website Trường MN Hải Tân.
- Thời gian niêm yết từ ngày 17/11/2025 đến ngày 15/02/2026 (90 ngày).

5. Yêu cầu: Tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên xem bảng tin, website các nội dung nhà trường công khai. Nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân hoặc Ban giám hiệu trường Mầm non Hải Tân.

Biên bản thông qua trước Hội đồng sự phạm hồi 17h35 cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Lê Thị Huế

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Chu Thị Dung